

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cầu Hồng Tiến tại Km8+920 trên ĐT.384 (đường 204 cũ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Hồng Tiến tại Km8+920 trên ĐT.384 (đường 204 cũ);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 746/TTr-SGTVT ngày 23/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cầu Hồng Tiến tại Km8+920 trên ĐT.384 (đường 204 cũ) với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng công trình cầu Hồng Tiến tại Km8+920 trên ĐT.384 (đường 204 cũ).
2. Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu Hồng Tiến tại Km8+920 trên ĐT.384 (đường 204 cũ).
3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
4. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.
5. Địa điểm xây dựng: Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

6. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Trung tâm Tư vấn giao thông vận tải.

7. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

7.1. Quy mô công trình:

7.1.1. Phân cầu:

- Cầu xây dựng bằng BTCT, dầm bản BTCT DƯL;
- Tải trọng thiết kế HL.93;
- Bề rộng toàn cầu $B_{tc}=12m$ (trong đó phần xe chạy $B_{xc}=11m$, lan can $B_{lc}=2 \times 0,5=1m$;
- Chiều dài nhịp $L=24m$, chiều dài toàn cầu $L_{tc}=34,1m$.

7.1.2. Phân đường:

- Tốc độ thiết kế $V_{tk}=80km/h$;
- Tải trọng trục 10T;
- Moduyn đàn hồi $E_{yc}=140Mpa$;
- Kết cấu mặt đường BTN;
- Chiều dài đường hai đầu cầu: $L=408,9m$;
- Chiều rộng nền đường: $9,0m \div 13,0m$;
- Chiều rộng mặt đường: $7,0m \div 11,0m$.

7.2. Chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu:

7.2.1. Phân cầu:

a) Kết cấu phần trên:

- Cầu gồm 12 phiến dầm bản BTCTDƯL 40Mpa, dài 24,0m; chiều cao $H_{dầm}=950cm$; mỗi dầm gồm 40 tao cáp DƯL loại 12,7mm;
- Liên kết bản mặt cầu bằng BTCT 30Mpa;
- Lớp phòng nước bằng vật liệu chống thấm Tam sil7;
- Lớp phủ mặt cầu bằng BTNC 12,5 dày 7cm;
- Độ dốc ngang mặt cầu 2 mái $i=2\%$;
- Gói cầu bằng cao su có cốt bản thép chịu lực kích thước 150x200x35 mm;
- Khe co giãn bằng thép hình răng lược;
- Lan can bằng thép hình và thép mạ kẽm nhúng nóng;
- Ống thoát nước bằng gang đúc D150.

b) Kết cấu phần dưới:

- Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT 30MPa; bộ móng đặt trên hệ cọc BTCT 30MPa, kích thước 35x35cm, chiều dài cọc là 35m, đổ bịt đáy bằng BTXM mác 200 dày 80cm;

- Bản dẫn sau móng bằng BTCT 30MPa dày 30cm, dài 5m, rộng 11m, bản dẫn liên kết với móng bằng cốt thép D25;

- Tủ nón xây đá hộc vữa XMCV mác 100 dày 30cm, chân khay xây đá hộc XMCV mác 100, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, xử lý nền bằng cọc tre $D=6 \div 8$ cm dài 2,5m mật độ 25 cọc/m².

- Trong lòng móng đắp chống lún bằng vật liệu hạt thô (cát vàng).

7.2.2. Phần đường dẫn:

a) Bình đồ: Điểm đầu tại Km 8+700, điểm cuối tại Km9+143. Tim cầu lệch sang trái khoảng 2,95m so với tim cầu cũ.

b) Trắc dọc: Thiết kế đường đò đảm bảo cao trình thông thuyền và phù hợp với địa hình xung quanh, đảm bảo chiều dày kết cấu; chiều dài đường dẫn 2 đầu cầu $L = 408,9$ m.

c) Trắc ngang:

- Đoạn từ Km8+700 - Km8+800 và Km9+050 - Km9+143: Chiều rộng nền đường rộng 9,0m, mặt đường rộng 7,0m;

- Đoạn từ Km8+800 - Km8+834,95 và Km9+010- Km9+050: Chiều rộng nền đường rộng: $9,0 \div 12$ m, mặt đường rộng: $7,0 \div 11$ m;

- Đoạn từ Km8+834,95 - Km8+887,95 và Km8+950,45 - Km9+010: Chiều rộng nền đường rộng: $12 \div 13$ m, mặt đường rộng 11m.

d) Kết cấu áo đường (theo thứ tự từ trên xuống):

- Trên mặt đường cũ:

+ Lớp BTNC 12,5 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bảm bằng nhựa nóng pha dầu tiêu chuẩn 1,0kg/m²;

+ Móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm;

+ Móng cấp phối đá dăm loại II dày 30cm;

+ Lớp bù vênh cấp phối đá dăm loại II.

- Trên mặt đường mở rộng:

+ Lớp BTNC 12,5 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bảm bằng nhựa nóng pha dầu tiêu chuẩn 1,0kg/m²;

+ Móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm;

+ Móng cấp phối đá dăm loại II dày 30cm;

+ Lớp cát đen đầm chặt K98;

+ Lớp cát đen đầm chặt K95.

đ) Nền đường đắp:

- Các đoạn nền đường đắp qua mương thiết kế đào bùn dày 50cm; các đoạn nền đường qua ruộng thiết kế đào bóc hữu cơ dày 30cm;

- Xử lý nền đất yếu sau thân mô mỗi bên dài 8,8m bằng cọc tre $D = 6 \div 8\text{cm}$ mật độ 25 cọc/m² và rải vải địa 25KN/m.

- Tại các vị trí vượt nối ngã tư hai đầu cầu phía bờ sông thiết kế xây đá hộp vữa XMCV mác 100 dày 30cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, độ dốc mái taluy 1/1.

e) Vuốt nối đường ngang (04 nhánh):

- Nhánh 1,2: Chiều rộng nền 6,5m; chiều rộng mặt 5,0m; dốc ngang 2%;

Nhánh 3,4: Chiều rộng nền đường: $5,0 \div 6,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường từ $3,5 \div 5,0\text{m}$; dốc ngang 2%.

- Kết cấu áo đường (theo thứ tự từ trên xuống):

+ Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5Kg/m²;

+ Tưới nhựa thấm bám bằng nhựa nóng pha dầu tiêu chuẩn 1kg/m²;

+ Móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm;

+ Móng cấp phối đá dăm loại II dày 18cm;

+ Lớp cát đen đầm chặt K98 dày 50cm;

+ Lớp cát đen đầm chặt K95.

f) Thoát nước:

- Thoát nước dọc: Tự nhiên.

- Thoát nước ngang: Thay mới cống C1 tại Km8+887, 95 và cống C2 tại Km8+950,45: Ống cống D1000 đúc sẵn, tải trọng C. Đế cống bằng BTCT mác 200 đúc sẵn đặt trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm; xử lý cọc tre D6-8cm dài 2,5m mật độ 25 cọc/m². Bổ sung cửa xả đầu nối vào mương hiện trạng và hố ga đầu nối vào cống D1000; hố ga: Tường xây gạch không nung vữa XM mác 75 trên lớp móng BTCT móng mác 250 đá 1x2, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm; xả mũ bằng BTCT mác 250 đá 1x2; tấm đan kích thước 0,6mx1,8mx0,15m bằng BTCT mác 250 đá 1x2. Tường đầu, tường cánh, chân khay cửa xả bằng BTCT mác 200 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm.

g) Đào cải mương thủy lợi:

- Hoàn trả kênh, mương đất bên phải tuyến các đoạn: Km8+955-Km9+024;

- Hoàn trả kênh đất bên trái tuyến các đoạn: Km8+965-Km9+125.

h) Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT, màng phản quang theo TCVN7887:2008.

i) Hạng mục cầu tạm đảm bảo giao thông:

- Cầu tạm dài 12m, rộng 4m;

- Mố cầu bằng rọ đá hộp đặt trên lớp đệm đá dăm đá 2x4 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre D6-8cm, L=2,5m, 25 cọc/m²;

- Kết cấu nhịp gồm 5 dầm thép I500, liên kết ngang bằng dầm U300;

- Đường tạm dẫn B_{mặt}=4m, B_{nền}=5,5m, mặt đường bằng CPĐD loại I dày 30cm, nền đường đắp cát K98 dày 50cm, tôn nền cát K95, lề đường đắp đất K90, mái taluy 1/1.5, tại vị trí ta luy đắp trong lòng sông chân ta luy được gia cố bằng cọc tre phen nửa.

k) Thiết kế khác:

- Đoạn từ Km8+800 - Km8+887,95 (bên phải): Thiết kế gia cố taluy bằng đá học xây vữa XMCV mác 100 dày 30cm trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm; chân khay bằng đá học xây vữa XMCV mác 100 trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, xử lý nền bằng cọc tre D6 ÷ 8cm dài 2,5m mật độ 25 cọc/m²;

- Tại những vị trí tiếp giáp mô cầu, giáp mương, nền đường đắp cao tiến thiết kế tôn lượn sóng hai bên, tổng chiều dài 504m. Tấm tôn hộ lan, trụ bằng thép mạ kẽm nhúng nóng, đế bằng BTXM mác 150 đá 2x4;

- Xử lý nền đất yếu đầu cầu, chân khay tứ nón bằng cọc tre D6 ÷ 8cm dài 2,5m mật độ 25 cọc/m²;

- Đào bùn dày 50cm, đập hữu cơ dày 30cm.

8. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **30.928.087.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	: 25.515.645.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	: 571.240.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 1.391.031.000 đồng
- Chi phí khác	: 2.031.405.000 đồng
- Chi dự phòng	: 1.418.766.000 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Hưng Yên và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./v

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thế Cử